

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 233/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

QUY ĐỊNH CƠ CHẾ TÀI CHÍNH VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ; CHI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15;

Căn cứ Luật Việc làm số 38/2013/QH13;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 32/2013/QH13, Luật số 46/2014/QH13, Luật số 67/2015/QH13, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 68/2020/QH14, Luật số 30/2023/QH15 và Luật số 51/2024/QH15;

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo quy định tại khoản 5 Điều 120, khoản 2 Điều 135 Luật Bảo hiểm xã hội, khoản 5 Điều 35 Luật Bảo hiểm y tế (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 27 Điều 1 Luật số 51/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế), và khoản 3 Điều 59 Luật Việc làm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức trực tiếp thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế gồm:

a) Cơ quan bảo hiểm xã hội: Bảo hiểm xã hội Việt Nam; các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh), Bảo hiểm xã hội cơ sở thuộc Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh (sau đây gọi là Bảo hiểm xã hội cơ sở);

b) Cơ quan, tổ chức thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế (sau đây gọi là Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân);

c) Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội (sau đây gọi là Hội đồng quản lý);

d) Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan, tổ chức bảo hiểm thất nghiệp trực thuộc Bộ Nội vụ được giao thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Việc làm (sau đây gọi là tổ chức bảo hiểm thất nghiệp); cơ quan, tổ chức thuộc ngành Nội vụ thực hiện nhiệm vụ liên quan đến chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các nhiệm vụ liên quan đến quản lý, sử dụng quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động (sau đây gọi là tổ chức thuộc ngành Nội vụ).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện Nghị định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Các quỹ bảo hiểm: Quỹ bảo hiểm xã hội (gồm các quỹ thành phần: quỹ ốm đau và thai sản; quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; quỹ hưu trí và tử tuất), quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế.

2. Thu chế độ: Là thu chế độ của các quỹ bảo hiểm xã hội (gồm các quỹ thành phần: quỹ ốm đau và thai sản; quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; quỹ hưu trí và tử tuất), quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế.

3. Chi chế độ: Là các nội dung chi trả các chế độ, chính sách từ quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

4. Tổ chức hỗ trợ phát triển đối tượng: Là cơ quan, tổ chức, cá nhân phối hợp cùng cơ quan bảo hiểm xã hội xác định, theo dõi đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, duy trì thu các khoản đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động và cá nhân theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức hỗ trợ chi trả chế độ: Là tổ chức dịch vụ được cơ quan bảo hiểm xã hội ủy quyền chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, xác minh thông tin người hưởng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

6. Hoạt động đầu tư của Bảo hiểm xã hội Việt Nam: Là hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật.

7. Các đơn vị trực thuộc của Bảo hiểm xã hội Việt Nam được phép mở tài khoản: Là các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Điều 4. Tài khoản và việc quản lý tài khoản

Cơ quan bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, tổ chức bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức thuộc ngành Nội vụ được mở các tài khoản phản ánh thu, chi và có trách nhiệm theo dõi, quản lý và sử dụng các tài khoản này theo quy định tại Nghị định này. Các tài khoản phản ánh thu, chi bao gồm:

1. Tài khoản thanh toán tổng hợp:

a) Tài khoản thanh toán tổng hợp là tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, được sử dụng để tập trung các khoản thu từ tài khoản thu, tiền do ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng, kinh phí ngân sách nhà nước cấp để chi trả các chế độ cho người hưởng lương hưu, tiền thu từ hoạt động đầu tư; chuyển tài khoản chi để chi chế độ; chuyển tài khoản chi để chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế (sau đây gọi là chi tổ chức và hoạt động); chuyển tiền để thực hiện hoạt động đầu tư của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; và các khoản thu, chi khác.

b) Tài khoản thanh toán tổng hợp được Bảo hiểm xã hội Việt Nam mở và quản lý tại ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc Nhà nước. Tiền lãi phát sinh trên tài khoản này được tạm phân bổ hàng tháng và được điều chỉnh khi quyết toán hằng năm vào từng quỹ thành phần của quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế (quỹ dự phòng). Tiền lãi phân bổ được xác định theo tỷ lệ số dư từng quỹ bảo hiểm xã hội (theo từng quỹ thành phần), quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế (quỹ dự phòng) trên tổng số dư của các quỹ tại báo cáo quyết toán năm gần nhất đã được Hội đồng quản lý thông qua.

2. Tài khoản thu chế độ:

a) Tài khoản thu chế độ là tài khoản tiền gửi không kỳ hạn được mở tại ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc Nhà nước để tập trung các khoản thu chế độ. Các khoản thu trên tài khoản thu chế độ được tập trung về tài khoản thanh toán tổng hợp theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

b) Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh, Bảo hiểm xã hội cơ sở, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân mở tài khoản thu chế độ. Tiền lãi phát sinh trên tài khoản này được chuyển về tài khoản thanh toán tổng hợp để phân bổ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Tài khoản chi chế độ:

a) Tài khoản chi chế độ là tài khoản tiền gửi không kỳ hạn được mở tại ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc Nhà nước để chi chế độ. Tài khoản chi chế độ nhận kinh phí từ tài khoản thanh toán tổng hợp theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

b) Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh, Bảo hiểm xã hội cơ sở, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân mở tài khoản chi chế độ theo từng quỹ thành phần của quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế. Tiền lãi phát sinh trên các tài khoản này được chuyển về tài khoản thanh toán tổng hợp để bổ sung vào các quỹ bảo hiểm xã hội (theo từng quỹ thành phần), quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế (quỹ dự phòng).

4. Tài khoản chi tổ chức và hoạt động:

a) Tài khoản chi tổ chức và hoạt động là tài khoản tiền gửi không kỳ hạn mở tại ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc Nhà nước để chi tổ chức và hoạt động, chi quỹ phát triển hoạt động, quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ bổ sung thu nhập tại cơ quan bảo hiểm xã hội (không bao gồm chi đầu tư phát triển) và các khoản chi khác. Tài khoản chi tổ chức và hoạt động nhận kinh phí từ tài khoản thanh toán tổng hợp theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

b) Bảo hiểm xã hội Việt Nam, các đơn vị trực thuộc của Bảo hiểm xã hội Việt Nam được phép mở tài khoản, Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh, Bảo hiểm xã hội cơ sở, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, tổ chức bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức thuộc ngành Nội vụ mở tài khoản chi tổ chức và hoạt động. Tiền lãi phát sinh trên tài khoản này được bổ sung vào nguồn thu của đơn vị mở tài khoản để chi tổ chức và hoạt động và bổ sung vào các quỹ của đơn vị theo quy định.

5. Tài khoản chi đầu tư phát triển:

a) Tài khoản chi đầu tư phát triển là tài khoản tiền gửi không kỳ hạn mở tại Kho bạc Nhà nước để chi đầu tư phát triển. Tài khoản chi đầu tư phát triển nhận kinh phí từ tài khoản thanh toán tổng hợp theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

b) Bảo hiểm xã hội Việt Nam, các đơn vị trực thuộc của Bảo hiểm xã hội Việt Nam được phép mở tài khoản, Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh mở tài khoản chi đầu tư phát triển. Tiền lãi phát sinh trên tài khoản này được chuyển về tài khoản thanh toán tổng hợp và phân bổ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc phân cấp cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam mở tài khoản tiền gửi không kỳ hạn theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này tại các ngân hàng thương mại nhà nước và ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước trên 50% vốn điều lệ, không mở tài khoản tại các ngân hàng thương mại đang được kiểm soát đặc biệt. Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn các ngân hàng thương mại để mở tài khoản; phân cấp việc mở tài khoản, số lượng tài khoản, nơi mở tài khoản và quy định việc quản lý, sử dụng tài khoản đối với cơ quan bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều này.

7. Tổ chức bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức thuộc ngành Nội vụ mở tài khoản tiền gửi không kỳ hạn quy định tại khoản 4 Điều này tại các ngân hàng thương mại nhà nước và ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước trên 50% vốn điều lệ, không mở tài khoản tại các ngân hàng thương mại đang được kiểm soát đặc biệt. Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn các ngân hàng thương mại để mở tài khoản, phân cấp việc mở tài khoản, số lượng tài khoản, nơi mở tài khoản đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Điều này và thông báo cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam danh sách tài khoản để chuyển kinh phí theo quy định.

8. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn các ngân hàng thương mại để mở tài khoản theo quy định của pháp luật, phân cấp việc mở tài khoản, số lượng tài khoản, nơi mở tài khoản đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 2, 3, và 4 Điều này, thông báo cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam danh sách tài khoản để chuyển kinh phí theo quy định.

9. Tổ chức hỗ trợ chi trả chế độ mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại sau khi thống nhất với Bảo hiểm xã hội Việt Nam để chi trả chế độ cho người hưởng đầy đủ, kịp thời và đúng chế độ.

Điều 5. Bảo đảm thanh khoản

1. Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm theo dõi, quản lý số dư trên tài khoản thanh toán tổng hợp chi tiết theo các nhiệm vụ: chi chế độ, chi tổ chức và hoạt động, thực hiện hoạt động đầu tư của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các khoản chi khác theo quy định.

2. Mức đảm bảo thanh khoản để chi chế độ, chi tổ chức và hoạt động như sau:

a) Đối với chi chế độ, mức đảm bảo thanh khoản tối đa không vượt quá mức chuyển kinh phí chi trả chế độ quy định tại khoản 1, 2, và 3 Điều 9 Nghị định này và dự phòng tối đa 0,4 tháng của tổng dự toán chi chế độ (bao gồm dự toán chi từ nguồn ngân sách nhà nước).

b) Đối với chi tổ chức và hoạt động, mức đảm bảo thanh khoản tối đa không vượt quá mức chuyển kinh phí chi tổ chức và hoạt động quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định này.

3. Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định mức bảo đảm thanh khoản cụ thể để bảo đảm chi trả chế độ, chi tổ chức và hoạt động. Trường hợp phát sinh nhu cầu chi đột xuất mà mức bảo đảm thanh khoản không đảm bảo để chi trả, Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam xem xét, quyết định mức bảo đảm thanh khoản cao hơn mức quy định tại khoản 2 Điều này để đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời theo quy định và báo cáo Hội đồng quản lý về kết quả thực hiện tại kỳ họp Hội đồng quản lý gần nhất.

4. Số dư trên tài khoản thanh toán tổng hợp trong thời gian chưa thực hiện chi chế độ, chi tổ chức và hoạt động, chưa chuyển tiền để thực hiện hoạt động đầu tư và chi khác được gửi tiền có kỳ hạn theo phương thức chuyển tiền tự động và được rút tại bất kỳ thời điểm nào phát sinh nhu cầu chi. Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định kỳ hạn gửi tiền theo phương thức chuyển tiền tự động. Việc gửi tiền có kỳ hạn theo phương thức chuyển tiền tự động không thuộc phương án đầu tư quỹ theo quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư của Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Tiền lãi phát sinh từ việc gửi tiền có kỳ hạn theo phương thức chuyển tiền tự động được phân bổ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

Chương II

CƠ CHẾ TÀI CHÍNH VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ

Mục 1. QUẢN LÝ THU, CHI BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ

Điều 6. Nguồn tài chính

1. Quỹ bảo hiểm xã hội (bao gồm cả khoản kinh phí ngân sách nhà nước cấp để chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội cho người hưởng thuộc đối tượng do ngân sách nhà nước đảm bảo).
2. Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.
3. Quỹ bảo hiểm y tế.
4. Các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Thu tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế

1. Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh, Bảo hiểm xã hội cơ sở và tổ chức hỗ trợ phát triển đối tượng thu tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế thông qua tài khoản thu chế độ và chuyển về tài khoản thanh toán tổng hợp theo hướng dẫn của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.
2. Đối với Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân:

a) Thực hiện thu tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế của các đối tượng tham gia theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

b) Định kỳ hàng tháng, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân chuyển tiền thu đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp trong tháng về tài khoản thanh toán tổng hợp của Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Đối với tiền thu đóng bảo hiểm y tế được chuyển định kỳ hàng quý theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

3. Tiền xử lý hành vi chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế được xác định theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

4. Khi nhận được tiền đóng của người sử dụng lao động, cơ quan bảo hiểm xã hội trực tiếp quản lý người tham gia thực hiện phân bổ như sau:

a) Thu đủ số tiền phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế kể cả tiền xử lý chậm đóng, trốn đóng theo quy định đối với người lao động đủ điều kiện hưởng bảo hiểm xã hội hoặc chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc để kịp thời giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo quy định của pháp luật (nếu có).

b) Số tiền còn lại thực hiện theo thứ tự sau đây:

Thu đủ số tiền phải đóng bảo hiểm y tế và tiền xử lý chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm y tế theo quy định tại khoản 3 Điều này (nếu có);

Thu đủ số tiền phải đóng bảo hiểm thất nghiệp và tiền xử lý chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều này (nếu có);

Thu tiền đóng bảo hiểm xã hội và tiền xử lý chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại khoản 3 Điều này (nếu có) vào các quỹ thành phần theo thứ tự: thu đủ số tiền phải đóng và xử lý chậm đóng, trốn đóng vào quỹ ốm đau, thai sản, thu đủ số tiền phải đóng và xử lý chậm đóng, trốn đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thu tiền đóng và xử lý chậm đóng, trốn đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất (nếu có).

5. Số tiền thu được từ xử lý hành vi chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, cơ quan bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân quyết toán riêng với Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổng hợp và thực hiện như sau:

a) Tiền xử lý hành vi chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội được bổ sung các quỹ thành phần theo thứ tự ưu tiên tại điểm b khoản 4 Điều này.

b) Tiền xử lý hành vi chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm y tế được bổ sung vào quỹ dự phòng bảo hiểm y tế.

c) Tiền xử lý hành vi chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm thất nghiệp được bổ sung vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

Điều 8. Chi chế độ, chi tổ chức và hoạt động

1. Việc sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Cơ quan bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, tổ chức bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức thuộc ngành Nội vụ tổ chức thực hiện chi chế độ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và quy định tại Nghị định này.

2. Đối với chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định này. Cơ quan bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, tổ chức bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức thuộc ngành Nội vụ thực hiện chi tổ chức và hoạt động theo quy định tại Nghị định này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định chi.

Điều 9. Chuyển kinh phí chi trả chế độ, chi tổ chức và hoạt động

1. Đối với kinh phí chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội từ nguồn ngân sách trung ương:

a) Trước ngày 25 hằng tháng, Bộ Tài chính chuyển kinh phí bằng mức chi bình quân một tháng của dự toán được cấp có thẩm quyền giao trong năm (bao gồm cả chi phí chi trả) vào quỹ bảo hiểm xã hội để Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện chi trả trong tháng tiếp theo cho người hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Trường hợp đến thời gian chuyển kinh phí chi bảo hiểm xã hội từ nguồn ngân sách nhà nước nhưng chưa có dự toán được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm cả dự toán điều chỉnh) hoặc chưa nhận được kinh phí do ngân sách nhà nước chuyển hoặc số phải chi trả của 01 tháng, số chi trả gộp 02 tháng cho người hưởng theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 2 Điều này cao hơn kinh phí nhận được theo quy định tại điểm a khoản này, Bảo hiểm xã hội Việt Nam sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội (quỹ hưu trí và tử tuất) để chi trả đầy đủ, kịp thời cho người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội từ nguồn ngân sách nhà nước.

2. Đối với kinh phí chi trả chế độ từ quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp:

a) Định kỳ hằng tháng, Bảo hiểm xã hội Việt Nam chuyển kinh phí cho Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh để chi trả chế độ cho người hưởng. Mức chuyển kinh phí được xác định trên cơ sở số chi trả tháng trước và dự kiến chi trả tháng kế hoạch của đơn vị. Trường hợp chưa có dự toán được cấp có thẩm quyền giao hoặc số dự kiến chi tăng so với dự toán Thủ

tướng Chính phủ giao, Bảo hiểm xã hội Việt Nam chuyển kinh phí để chi trả đầy đủ, kịp thời cho người hưởng theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định thời gian chuyển kinh phí và thời gian chi trả chế độ đảm bảo kịp thời cho người hưởng.

b) Trước ngày 25 hằng tháng, Bảo hiểm xã hội Việt Nam chuyển kinh phí cho Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân để chi trả chế độ cho người hưởng trong tháng tiếp theo. Mức chuyển kinh phí bằng mức chi bình quân 01 tháng của dự toán được cấp có thẩm quyền giao trong năm, trường hợp chưa có dự toán được cấp có thẩm quyền giao thì kinh phí chuyển bằng bình quân 01 tháng dự toán năm trước liền kề. Trường hợp nhu cầu chi trong tháng thay đổi, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân có văn bản gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

c) Trường hợp thời gian chi trả gần ngày Tết Nguyên đán và trong thời gian chi trả xảy ra thiên tai, dịch bệnh, vì lý do bất khả kháng, hoặc theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam xem xét, quyết định chuyển kinh phí để chi trả gộp 2 tháng cho người hưởng.

d) Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân chuyển trả kinh phí còn dư (nếu có) về Bảo hiểm xã hội Việt Nam sau khi Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thẩm định quyết toán các đơn vị trực thuộc thực hiện thu, chi chế độ.

3. Đối với kinh phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, việc chuyển kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật bảo hiểm y tế.

4. Đối với kinh phí chi tổ chức và hoạt động:

a) Trước ngày 10 hằng tháng, Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện chuyển kinh phí chi tổ chức và hoạt động trong tháng từ tài khoản thanh toán tổng hợp sang tài khoản chi tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc của Bảo hiểm xã hội Việt Nam được phép mở tài khoản, Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân và tổ chức bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức thuộc ngành Nội vụ được phân công. Mức kinh phí chuyển bằng bình quân 01 tháng dự toán chi tổ chức và hoạt động được giao (không bao gồm phần kinh phí chi quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản này). Trường hợp chưa được cấp có thẩm quyền giao dự toán thì mức kinh phí chuyển bằng bình quân 01 tháng dự toán chi tổ chức và hoạt động năm trước liền kề (không bao gồm phần kinh phí chi quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản này).

b) Đối với chi ứng dụng công nghệ thông tin do Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân và tổ chức bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức thuộc ngành Nội vụ được phân công thực hiện, Bảo hiểm xã hội Việt Nam chuyển kinh phí theo đề nghị của các đơn vị phù hợp với tiến độ thực hiện, kế hoạch sử dụng kinh phí của dự án, nhiệm vụ, trong phạm vi dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền giao hằng năm và thời hạn của kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc điều chỉnh (nếu có). Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân và tổ chức bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức thuộc ngành Nội vụ được phân công chịu trách nhiệm

trước pháp luật về hồ sơ đề nghị chuyển kinh phí, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin theo đúng quy định.

c) Đối với chi ứng dụng công nghệ thông tin, chi cải tạo, nâng cấp, mở rộng trụ sở của cơ quan bảo hiểm xã hội và các nội dung chi do Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện (chi mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ theo phương thức tập trung), Bảo hiểm xã hội Việt Nam chuyển kinh phí cho các đơn vị trực thuộc của Bảo hiểm xã hội Việt Nam được phép mở tài khoản, Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh theo tiến độ thực hiện và quy định của pháp luật có liên quan.

d) Đối với chi đầu tư phát triển: Việc tạm ứng, thanh toán, quyết toán vốn thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về xây dựng đối với cơ quan nhà nước được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công để thực hiện dự án từ nguồn vốn hợp pháp của cơ quan nhà nước. Trường hợp đầu năm chưa có dự toán được cấp có thẩm quyền giao, trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư, căn cứ giá trị khối lượng đã thực hiện và đủ điều kiện thanh toán, Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định ứng trước kế hoạch vốn để thanh toán cho các dự án đầu tư đang thực hiện dở dang thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức ứng trước kế hoạch vốn các dự án không quá 20% dự toán chi đầu tư phát triển của năm trước liền kề đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Sau khi được cấp có thẩm quyền giao dự toán, Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm thu hồi hết số đã ứng trước trong năm tài chính.

5. Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành quy chế, quy trình chuyển kinh phí cho các đơn vị trực thuộc của Bảo hiểm xã hội Việt Nam được phép mở tài khoản, Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh, Bảo hiểm xã hội cơ sở để thực hiện các nhiệm vụ chi.

Mục 2. DỰ TOÁN, QUYẾT TOÁN THU, CHI BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ

Điều 10. Lập dự toán, phân bổ và giao dự toán thu, chi

1. Quy trình và trình tự thời gian lập dự toán như sau:

a) Trước ngày 15 tháng 6 hằng năm, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân lập dự toán thu, chi chế độ, dự toán chi tổ chức và hoạt động thuộc phạm vi quản lý báo cáo Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phê duyệt và gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Bộ Nội vụ lập dự toán chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

b) Trước ngày 20 tháng 7 hằng năm, căn cứ quy định của pháp luật tại thời điểm xây dựng dự toán, Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng dự toán thu, chi chế độ; dự toán chi tổ chức và hoạt động thuộc phạm vi quản lý và tổng hợp dự toán thu, chi của Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân và Bộ Nội vụ, trình Hội đồng quản lý thông qua để gửi Bộ Tài chính. Tài liệu gửi bao gồm các nội dung cơ bản sau:

Đánh giá tình hình thực hiện và ước thực hiện cả năm của năm thực hiện.

Đề xuất kế hoạch dự toán năm sau gồm: Thu, chi bảo hiểm xã hội; thu, chi bảo hiểm y tế; thu, chi bảo hiểm thất nghiệp; chi tổ chức và hoạt động theo các nhóm nội dung chi quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Bảo hiểm xã hội; tiền sinh lời từ hoạt động đầu tư của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

c) Trước ngày 30 tháng 11 hằng năm, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Y tế xem xét, tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định giao dự toán thu chế độ và dự toán chi (bao gồm chi chế độ, chi tổ chức và hoạt động và mức chi tổ chức và hoạt động) năm sau cho từng đơn vị bao gồm Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân và Bộ Nội vụ; trong đó mức chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được giao căn cứ mức chi tổ chức và hoạt động giai đoạn 03 năm đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định theo quy định của pháp luật; mức chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế; và dự toán chi tổ chức và hoạt động được giao theo các nhóm nội dung chi quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Bảo hiểm xã hội.

Riêng đối với dự toán chi lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội cho người hưởng thuộc đối tượng do ngân sách nhà nước đảm bảo, Bộ Tài chính tổng hợp vào dự toán chi ngân sách nhà nước, trình cấp thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Dự toán chi chế độ bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế. Dự toán kinh phí hỗ trợ phòng ngừa, chia sẻ rủi ro về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định giao dự toán của Thủ tướng Chính phủ, Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm phân bổ và giao dự toán thu, chi cho các đơn vị trực thuộc của Bảo hiểm xã hội Việt Nam được phép mở tài khoản, Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh (trong đó dự toán chi bảo hiểm xã hội giao chi tiết theo từng quỹ thành phần theo quy định tại Luật Bảo hiểm xã hội, dự toán chi tổ chức và hoạt động theo các nhóm nội dung chi được Thủ tướng Chính phủ giao); Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có trách nhiệm phân bổ và giao dự toán thu, chi cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc; Bộ Nội vụ có trách nhiệm phân bổ và giao dự toán chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho các tổ chức bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức thuộc ngành Nội vụ.

3. Trường hợp trong năm Nhà nước ban hành chính sách, chế độ làm thay đổi dự toán đã được Thủ tướng Chính phủ giao, Bảo hiểm xã hội Việt Nam trình Hội đồng quản lý thông qua việc điều chỉnh dự toán tương ứng theo chính sách, chế độ mới và báo cáo Thủ tướng Chính phủ khi báo cáo phê chuẩn quyết toán chi tổ chức và hoạt động theo quy định tại khoản 6 Điều 11 Nghị định này. Riêng đối với việc điều chỉnh, bổ sung dự toán từ nguồn ngân sách nhà nước, thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Trường hợp số dự kiến chi các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp phát sinh trong năm tăng so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện chi trả, quyết toán số chi theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, báo cáo Hội đồng quản lý tại kỳ họp gần nhất và báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ về kết quả thực hiện.

5. Đối với chi chế độ bảo hiểm y tế, trường hợp tổng số chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế thực tế trong năm vượt dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế Thủ tướng Chính phủ giao, Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

6. Trong phạm vi dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định điều chỉnh cho các đơn vị trực thuộc của Bảo hiểm xã hội Việt Nam được phép mở tài khoản, Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh đối với dự toán thu, chi bảo hiểm xã hội (bao gồm cả giữa các quỹ thành phần của quỹ bảo hiểm xã hội), dự toán thu, chi bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và dự toán chi tổ chức và hoạt động.

7. Các đơn vị thực hiện lập dự toán thu, chi chế độ, chi tổ chức và hoạt động theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 11. Quyết toán, thẩm định và xét duyệt, tổng hợp quyết toán

1. Kết thúc năm tài chính, cơ quan bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, tổ chức bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức thuộc ngành Nội vụ thực hiện khóa sổ kế toán và lập báo cáo quyết toán.

2. Yêu cầu quyết toán đối với thu, chi chế độ; chi tổ chức và hoạt động:

a) Số liệu quyết toán phải chính xác, trung thực, đầy đủ và đủ điều kiện thanh toán theo quy định tại Nghị định này, quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

b) Đối với tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, số quyết toán là số tiền thực thu phát sinh trong năm tài chính, gồm: số tiền đóng của người tham gia, số tiền ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ mức đóng và số tiền xử lý hành vi chậm đóng, trốn đóng (nếu có).

c) Đối với chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, số quyết toán là số tiền thực chi trả cho người hưởng từ quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp phát sinh trong năm tài chính đủ điều kiện thanh toán theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

d) Đối với chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, số quyết toán là số tiền thực chi trả từ quỹ bảo hiểm y tế phát sinh trong năm tài chính và năm trước đủ điều kiện thanh toán theo quy định tại điểm a khoản này và tuân thủ đúng thời hạn thanh toán, quyết toán theo quy định tại khoản 26 Điều 1 Luật số 51/2024/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế và văn bản hướng dẫn.

đ) Đối với chi tổ chức và hoạt động, số quyết toán là số tiền thực chi phát sinh trong năm tài chính.

3. Cơ quan bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, tổ chức bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức thuộc ngành Nội vụ được phân công lập và gửi báo cáo quyết toán thu, chi chế độ, chi tổ chức và hoạt động cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều này để xét duyệt, thẩm định.

a) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Nội vụ ban hành hướng dẫn về thời gian lập, nộp báo cáo quyết toán năm đối với các đơn vị trực thuộc để đảm bảo thời gian xét duyệt, thẩm định và tổng hợp, lập quyết toán năm theo quy định tại khoản 4 Điều này.

b) Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn việc lập báo cáo quyết toán năm. Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành quy trình về thời gian lập, nộp báo cáo quyết toán năm để thống nhất thực hiện trong hệ thống của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

4. Xét duyệt, thẩm định, tổng hợp, lập quyết toán năm:

a) Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm của các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam được phép mở tài khoản, Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh đối với thu, chi chế độ, chi tổ chức và hoạt động trước ngày 01 tháng 5 năm sau.

b) Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân có trách nhiệm xét duyệt, thẩm định quyết toán, thông báo quyết toán năm đối với thu, chi chế độ, chi tổ chức và hoạt động cho các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; tổng hợp và lập báo cáo quyết toán thu, chi chế độ, chi tổ chức và hoạt động, báo cáo Bộ Quốc phòng, Bộ Công an để xét duyệt, thẩm định và gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam trước ngày 01 tháng 5 năm sau.

c) Bộ Nội vụ có trách nhiệm xét duyệt, thẩm định quyết toán hoặc phân cấp thẩm quyền xét duyệt, thẩm định quyết toán và thông báo quyết toán năm đối với chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho tổ chức bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức thuộc ngành Nội vụ; tổng hợp và lập báo cáo quyết toán năm đối với chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp vào nguồn hoạt động khác được để lại, gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam trước ngày 01 tháng 5 năm sau.

d) Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổng hợp các báo cáo quyết toán quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này, lập báo cáo quyết toán các quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và báo cáo quyết toán chi tổ chức và hoạt động, trình Hội đồng quản lý trước ngày 05 tháng 6 để Hội đồng quản lý thông qua và gửi về Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước trước ngày 05 tháng 7 năm sau. Việc lập báo cáo quyết toán thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và chế độ kế toán bảo hiểm xã hội.

5. Bộ Tài chính thẩm định và thông báo quyết toán năm cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam đối với chi tổ chức và hoạt động (phần giao dự toán cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện). Đối với khoản kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo và kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ đóng theo quy định của pháp luật, Bộ Tài chính thực hiện theo quy định của

pháp luật ngân sách nhà nước. Sau khi có thông báo quyết toán năm, nếu số kinh phí Bộ Tài chính đã chuyển vào quỹ bảo hiểm xã hội lớn hơn số quyết toán, Bảo hiểm xã hội Việt Nam nộp trả ngân sách trung ương phần chênh lệch thừa. Trường hợp số kinh phí Bộ Tài chính đã chuyển vào quỹ bảo hiểm xã hội nhỏ hơn số quyết toán, Bộ Tài chính trình cấp có thẩm quyền cấp bổ sung phần chênh lệch thiếu cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo quy định của pháp luật ngân sách nhà nước.

6. Bộ Tài chính tổng hợp quyết toán chi tổ chức và hoạt động quy định tại điểm d khoản 4 và khoản 5 Điều này, báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn chậm nhất là ngày 15 tháng 8 năm sau. Trong quá trình tổng hợp quyết toán nếu phát hiện sai sót, Bộ Tài chính yêu cầu Bảo hiểm xã hội Việt Nam trình Hội đồng quản lý thông qua điều chỉnh quyết toán và gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Sau khi quyết toán chi tổ chức và hoạt động đã được Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn, trường hợp phát hiện khoản chi không đúng quy định thì xử lý theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định này.

7. Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo quyết toán các quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế quy định tại điểm d khoản 4 Điều này, trình Chính phủ trình Quốc hội cùng với báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước. Trường hợp phát hiện sai sót, Bộ Tài chính xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. Sau khi trình Quốc hội báo cáo quyết toán các quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế, trường hợp phát hiện khoản thu, chi không đúng quy định thì xử lý theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định này.

8. Trách nhiệm lập, thẩm định, xét duyệt và tổng hợp quyết toán:

a) Đơn vị lập báo cáo quyết toán chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của số liệu quyết toán.

b) Cơ quan xét duyệt, thẩm định quyết toán kiểm tra tính đầy đủ, khớp đúng của số liệu quyết toán và nhận xét, đánh giá về việc thực hiện dự toán trong năm. Cơ quan xét duyệt, thẩm định quyết toán có quyền yêu cầu đơn vị giải trình hoặc cung cấp thông tin, số liệu để phục vụ việc xét duyệt, thẩm định quyết toán; yêu cầu đơn vị điều chỉnh sai sót hoặc lập lại báo cáo quyết toán nếu thấy cần thiết.

c) Cơ quan tổng hợp quyết toán kiểm tra tính đầy đủ giữa số dự toán (bao gồm cả số điều chỉnh dự toán (nếu có)) với số quyết toán, kiểm tra tính đầy đủ của các báo cáo quyết toán đã được xét duyệt, phê chuẩn của đơn vị và tổng hợp quyết toán theo thời hạn quy định tại Điều này.

Mục 3. HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, KIỂM TOÁN

Điều 12. Hạch toán kế toán

1. Năm tài chính là năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hằng năm.

2. Các quỹ bảo hiểm được sử dụng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, được quản lý tập trung, thống nhất, công khai, minh bạch, hạch toán độc lập, cân đối thu, chi và đầu tư theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, tổ chức bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức thuộc ngành Nội vụ tiếp nhận hồ sơ, giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp phải tổ chức công tác kế toán theo đúng quy định của pháp luật về kế toán và chế độ kế toán bảo hiểm xã hội.

4. Các khoản thu hồi theo quy định của pháp luật và theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền được quyết toán vào năm xử lý thu hồi và thực hiện như sau:

a) Thu hồi chi sai chế độ, tạm dừng, chấm dứt chi trả và các khoản phải thu hồi theo kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra, tài chính, kiểm toán được chuyển về Bảo hiểm xã hội Việt Nam để hoàn trả vào các quỹ bảo hiểm tương ứng.

b) Thu hồi chi sai từ nguồn chi tổ chức và hoạt động, kinh phí đã hết nhiệm vụ chi, các khoản thu phải nộp theo kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, tài chính, kiểm toán được chuyển về tài khoản thanh toán tổng hợp của Bảo hiểm xã hội Việt Nam để hoàn trả các quỹ bảo hiểm xã hội (quỹ hưu trí, tử tuất), quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế (quỹ dự phòng) theo tỷ lệ dự toán chi tổ chức và hoạt động của từng quỹ bảo hiểm trên tổng dự toán chi tổ chức và hoạt động được giao của năm thực hiện quyết toán hoàn trả.

Điều 13. Chế độ báo cáo, kiểm toán

1. Chế độ báo cáo định kỳ:

a) Định kỳ hằng quý, năm, Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổng hợp báo cáo của Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân và tổ chức bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức thuộc ngành Nội vụ, báo cáo Hội đồng quản lý, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Y tế về tình hình thu, chi quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và tình hình chi tổ chức và hoạt động.

b) Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất là ngày 30 tháng đầu tiên của quý sau liền kề đối với báo cáo quý, chậm nhất là ngày 31 tháng 3 năm sau đối với báo cáo năm.

c) Mẫu biểu báo cáo, hình thức và phương thức gửi báo cáo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Chế độ báo cáo theo yêu cầu: Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, tổ chức bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức thuộc ngành Nội vụ thực hiện chế độ báo cáo theo yêu cầu của Hội đồng quản lý, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Y tế trong trường hợp cần thiết tùy nhu cầu quản lý trong từng thời điểm.

3. Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội theo quy định tại khoản 4 Điều 120 Luật Bảo hiểm xã hội và thực hiện kiểm toán quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, hoạt động đầu tư quỹ theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Bảo hiểm xã hội và khoản 8 Điều 1 Luật số 51/2024/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.

Chương III

CHI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ

Mục 1. XÁC ĐỊNH CHI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ VÀ NGUỒN ĐẢM BẢO

Điều 14. Xác định chi tổ chức và hoạt động

Chi tổ chức và hoạt động được sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các Điều 16, 17, 18, 19, và 20 của Nghị định này và được xác định như sau:

1. Đối với cơ quan bảo hiểm xã hội:

a) Các khoản chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 20 của Nghị định này được xác định theo số lượng người làm việc được giao hoặc số lượng vị trí việc làm được phê duyệt, số lao động hợp đồng (nếu có) và định mức chi (áp dụng theo định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên của ngân sách nhà nước cho các cơ quan bộ, cơ quan của trung ương và địa phương).

b) Các khoản chi tổ chức và hoạt động thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế quy định tại Điều 16, 17, 18, và 19 và các khoản chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên quy định tại điểm d, đ, e, g, h, i, k, và l khoản 1 Điều 20 Nghị định này được xác định trên cơ sở nhiệm vụ được giao và mức chi theo chế độ quy định.

2. Đối với Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân:

a) Chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy do ngân sách Bộ Quốc phòng, Bộ Công an bảo đảm.

b) Chi thường xuyên cho lao động hợp đồng do thủ trưởng đơn vị thực hiện giao kết hợp đồng lao động để thực hiện các nhiệm vụ về quản lý, tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật.

c) Chi thực hiện các nhiệm vụ về quản lý, tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế trong Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quy định tại Điều 16, Điều 17, khoản 2, khoản 3 Điều 18, Điều 19, điểm d, h, k, m khoản 1 Điều 20 của Nghị định này được xác định trên cơ sở nhiệm vụ được giao và mức chi theo chế độ quy định.

d) Các khoản chi quy định tại điểm b và điểm c khoản này được bảo đảm từ nguồn chi tổ chức và hoạt động hằng năm theo quy định tại Nghị định này.

3. Đối với tổ chức bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức thuộc ngành Nội vụ:

a) Chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm thất nghiệp của các trung tâm dịch vụ việc làm được xác định theo khối lượng công việc và giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bộ Nội vụ ban hành và trên cơ sở các nhiệm vụ được giao, nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy định tại Điều 16, Điều 17, khoản 2, khoản 3 Điều 18, khoản 4, 9, 10, 11 Điều 19, khoản 1 Điều 20 của Nghị định này. Trong khi chưa có giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng quỹ bảo hiểm thất nghiệp, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm thất nghiệp được xác định theo số lượng người làm việc được giao hoặc số lượng vị trí việc làm được phê duyệt và định mức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

b) Chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm thất nghiệp của tổ chức bảo hiểm thất nghiệp trực thuộc Bộ Nội vụ được xác định theo số lượng người làm việc được giao hoặc số lượng vị trí việc làm được phê duyệt, định mức quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và trên cơ sở các nhiệm vụ được giao, nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy định tại Điều 16, Điều 17, khoản 2, khoản 3 Điều 18, khoản 4, 9, 10, 11 Điều 19, khoản 1 Điều 20 của Nghị định này.

c) Chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của các cơ quan thuộc ngành Nội vụ được xác định trên cơ sở các nhiệm vụ được giao, nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy định tại Điều 16, Điều 17, khoản 2, khoản 3 Điều 18, khoản 4, 9, 10, 11 Điều 19, khoản 1 Điều 20 của Nghị định này và mức chi theo chế độ quy định.

Điều 15. Mức chi tổ chức và hoạt động và nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ chi tổ chức và hoạt động

1. Mức trích chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp hằng năm thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Mức trích chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm y tế hằng năm thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội được trích từ tiền sinh lời của hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội.

3. Chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm thất nghiệp được trích từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

4. Chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm y tế được trích từ số tiền đóng bảo hiểm y tế dành cho quỹ dự phòng và chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế.

5. Chi phí chi trả do ngân sách nhà nước cấp để Bảo hiểm xã hội Việt Nam chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội cho người thụ hưởng do ngân sách nhà nước đảm bảo. Mức chi phí chi trả bằng 0,54% tổng số tiền chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội (trừ khoản chi đóng bảo hiểm y tế, chi trả phí khám giám định mức suy giảm khả năng lao động). Kinh phí chi trả do ngân sách nhà nước cấp được hạch toán chung vào nguồn kinh phí chi tổ chức và hoạt động để quản lý, sử dụng và quyết toán theo quy định tại Nghị định này.

6. Ngoài mức chi tổ chức và hoạt động được giao theo khoản 2, 3, 4 và khoản 5 Điều này, cơ quan bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, tổ chức bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức thuộc ngành Nội vụ được sử dụng các nguồn kinh phí sau để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị định này và văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính:

a) Tiền lãi phát sinh trên tài khoản chi tổ chức và hoạt động theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này.

b) Hỗ trợ của ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao (nếu có).

c) Hỗ trợ của tổ chức, cá nhân ở trong nước và ngoài nước (nếu có).

d) Các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

7. Kinh phí chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm thất nghiệp của các trung tâm dịch vụ việc làm, tổ chức bảo hiểm thất nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 14 được hạch toán vào nguồn thu sự nghiệp của đơn vị và sử dụng theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Mục 2. NỘI DUNG CHI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ

Điều 16. Chi tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế

1. Đối với chi tuyên truyền, phổ biến, chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, nội dung và mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật có liên quan.

a) Trường hợp cơ quan bảo hiểm xã hội phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phát triển bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo phương thức ký hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn thì phải thỏa thuận mức chi, yêu cầu về khối lượng công việc, nội dung công việc và thời gian thực hiện.

b) Đối với tuyên truyền lưu động, triển lãm chuyên đề chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, gồm: Chi làm thêm giờ; hỗ trợ xăng xe tham gia di chuyển theo mức khoán tự túc phương tiện đi công tác; chi thuê địa điểm, phương tiện, thiết bị, in ấn, trang trí, đồng phục, nước uống, vật tư văn phòng, thuê người dẫn chương trình (nếu có) theo hóa đơn, chứng từ thực tế hợp pháp.

2. Chi tọa đàm, đối thoại, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế trực tiếp và trên các phương tiện thông tin đại chúng; chi tổ chức hội nghị tri ân, biểu dương các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Đối với các nội dung chi không có quy định của nhà nước về mức chi, thanh toán theo thực tế trên cơ sở hóa đơn, chứng từ, hợp đồng ký kết với các cơ quan, đơn vị cung cấp các sản phẩm truyền thông, phát thanh truyền hình.

3. Chi giải đáp, tư vấn chính sách pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế qua hệ thống chăm sóc khách hàng, cổng hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan bảo hiểm xã hội: Thực hiện theo chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản; đối với chi thuê dịch vụ thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

4. Chi cước phí bưu chính, viễn thông để hỗ trợ, giải đáp, tư vấn, thông tin chế độ, chính sách pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế (gồm cước phí điện thoại, cước phí tin nhắn, cước phí bưu chính): Mức chi theo mức cước phí của nhà cung cấp dịch vụ, trong đó phần cước phí nhà cung cấp dịch vụ hoàn lại cho cơ quan bảo hiểm xã hội được hạch toán vào nguồn kinh phí chi tổ chức và hoạt động (thu khác) để tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

5. Chi tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho công chức, viên chức, người lao động; đơn vị sử dụng lao động, cơ sở y tế ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế với cơ quan bảo hiểm xã hội. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Các nội dung chi khác liên quan đến tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế được thực hiện theo quy định hiện hành đối với cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 17. Chi cải cách hành chính bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; phát triển, quản lý người tham gia, người thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế

1. Đối với chi cải cách hành chính bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, nội dung và mức chi thực hiện theo quy định pháp luật về việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước. Một số nội dung chi được quy định như sau:

a) Chi áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 đối với toàn bộ hoạt động liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

b) Chi phí bảo quản, lưu trữ (bản giấy và bản điện tử); chỉnh lý, số hóa hồ sơ, tài liệu lưu trữ.

c) Chi phí duy trì đường truyền kết nối để đảm bảo vận hành hệ thống giao dịch điện tử và các phần mềm nghiệp vụ tập trung.

d) Chi thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính, gồm: Số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa; quản lý kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ đơn giản hóa trong tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; giám sát, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian thực trên cơ sở ứng dụng công nghệ mới. Nội dung, mức chi thực hiện theo các quy định hiện hành.

đ) Chi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích: Mức chi theo cước phí bưu chính của nhà cung cấp dịch vụ.

e) Chi hỗ trợ công chức, viên chức, người lao động hệ thống bảo hiểm xã hội được cử đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp xã (khoản công tác phí, chi phí khác liên quan). Mức chi tối đa bằng mức địa phương hỗ trợ công chức, viên chức địa phương tại bộ phận một cửa.

2. Chi phát triển, quản lý người tham gia, người thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế

a) Chi cập nhật, bổ sung, duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin, gồm: tạo lập, cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu, thông tin người tham gia, người hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; cập nhật, xác thực các thông tin cá nhân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các Cơ sở dữ liệu quốc gia và Cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm. Nội dung và mức chi theo quy định về tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước; quy định về hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

b) Chi khoán kinh phí phương tiện đối với công chức, viên chức, người lao động thường xuyên phải đi đến đơn vị sử dụng lao động, khu dân cư để xác minh, đối chiếu danh sách người tham gia, người hưởng mà tự túc bằng phương tiện cá nhân và không thuộc phạm vi thanh toán chế độ công tác phí theo quy định, mức khoán tối đa không quá 01 lần mức

lương cơ sở/người/tháng. Mức khoán cụ thể do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi nguồn kinh phí chi tổ chức và hoạt động được sử dụng.

c) Chi chế độ công tác phí, làm việc ban đêm, làm thêm giờ, chi phí xăng xe hoặc thuê phương tiện phục vụ công tác phát triển người tham gia, quản lý người hưởng cho công chức, viên chức, người lao động. Mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Chi hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện lập danh sách tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn (gồm: chi phí in ấn, phô tô tài liệu, biểu mẫu và chi thù lao cho người lập danh sách). Mức chi 7.000 đồng/người tính theo danh sách tăng, giảm đối tượng; việc quản lý và sử dụng khoản kinh phí này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

đ) Chi điều tra, thống kê: Chi điều tra thống kê đối với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh chưa tham gia bảo hiểm xã hội hoặc tham gia chưa đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội; chi điều tra, thống kê kết nối dữ liệu đối tượng người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam được cấp giấy phép lao động thuộc đối tượng phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tại Việt Nam; chi điều tra, thống kê đánh giá chính sách, đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân tham gia, thụ hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; chi điều tra, khảo sát nhu cầu của người tham gia, người hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Nội dung, mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia.

Điều 18. Chi đầu tư, nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ

1. Chi đầu tư phát triển, gồm: Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc và giao dịch, kho lưu trữ, trung tâm ứng dụng công nghệ thông tin; đầu tư cơ sở vật chất của hệ thống bảo hiểm xã hội. Việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư phát triển thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng và pháp luật về đấu thầu đối với cơ quan nhà nước được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công để thực hiện dự án từ nguồn vốn hợp pháp của cơ quan nhà nước.

2. Chi nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ: Thực hiện theo quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công và quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và quy định của pháp luật liên quan.

3. Chi ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế: Thực hiện theo kế hoạch, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 19. Chi tổ chức thu, chi trả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế

1. Chi phí làm sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế: Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành quy trình làm sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế. Nội dung và mức chi thực hiện theo chế độ chi tiêu hiện hành.
 2. Chi trang phục y tế theo quy định của Bộ Y tế cho người làm công tác giám định bảo hiểm y tế làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (nếu có), định mức 02 bộ/người/năm.
 3. Chi khoán kinh phí phương tiện đối với công chức, viên chức, người lao động thường xuyên phải đi đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để giám định bảo hiểm y tế; đi giám sát tổ chức hỗ trợ chi trả chế độ; đi chi trả cho người hưởng tại nơi cư trú mà tự túc bằng phương tiện cá nhân và không thuộc phạm vi thanh toán chế độ công tác phí theo quy định, mức khoán tối đa không quá 01 lần mức lương cơ sở/người/tháng. Mức khoán cụ thể do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi nguồn kinh phí chi tổ chức và hoạt động được sử dụng.
 4. Chi các hoạt động phối hợp tổ chức thu, chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, gồm: Hỗ trợ công tác phối hợp chỉ đạo, hỗ trợ công tác chuyên môn giải quyết chế độ, chế độ công tác phí, làm đêm, thêm giờ, chi phí xăng xe hoặc thuê phương tiện phục vụ công tác tổ chức thu, chi trả các chế độ.
 5. Chi phí thu bảo hiểm xã hội tự nguyện, thu bảo hiểm y tế của người tham gia theo hộ gia đình, của học sinh, sinh viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, thu bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện của người lao động và các đối tượng tự đóng khác (gồm: chi thù lao của tổ chức hỗ trợ phát triển đối tượng, cơ sở giáo dục; chi tập huấn nghiệp vụ, kiểm tra tổ chức hỗ trợ phát triển đối tượng, cơ sở giáo dục; chi hội nghị phát triển người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện, và các đối tượng tự đóng khác; chi tư vấn nhóm nhỏ dưới 10 người; chi in ấn, sao chụp thông báo; chi hội nghị sơ kết, tổng kết; khen thưởng tổ chức hỗ trợ phát triển đối tượng, cơ sở giáo dục). Mức chi tối đa bằng 7,5% số tiền đóng của người tham gia (không bao gồm số thu do ngân sách nhà nước, tổ chức, cá nhân hỗ trợ), trong đó: mức chi thù lao cho tổ chức hỗ trợ phát triển đối tượng bảo hiểm xã hội tự nguyện bình quân tối đa bằng 14% số tiền đóng của người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện; mức chi thù lao cho cơ sở giáo dục bình quân tối đa bằng 2,5% số tiền đóng của học sinh, sinh viên; mức chi thù lao cho tổ chức hỗ trợ phát triển đối tượng bảo hiểm y tế của các đối tượng còn lại, bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện và các đối tượng tự đóng khác bình quân tối đa bằng 7,0% số tiền đóng của người tham gia.
- a) Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định tiêu chí, điều kiện lựa chọn và ký hợp đồng với tổ chức hỗ trợ phát triển đối tượng, đảm bảo công khai, minh bạch, không hạn chế cạnh tranh, trong phạm vi định mức chi phí; mức chi thù lao cụ thể của tổ chức hỗ trợ phát triển đối tượng đối với từng nhóm đối tượng tham gia (đối tượng tham gia lần đầu,

đối tượng tiếp tục tham gia) của từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phù hợp với đặc điểm vùng, miền, thực tế của từng tỉnh, thành phố và hình thức đóng.

b) Chi phí thu còn lại sau khi chi thù lao cho tổ chức hỗ trợ phát triển đối tượng, cơ sở giáo dục, được để lại cho cơ quan bảo hiểm xã hội sử dụng cho việc tập huấn công tác thu, kiểm tra tổ chức hỗ trợ phát triển đối tượng, cơ sở giáo dục; in ấn, sao chụp thông báo và tổ chức hội nghị phát triển người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện và các đối tượng tự đóng khác; tư vấn nhóm nhỏ dưới 10 người; hội nghị sơ kết, tổng kết; khen thưởng tổ chức hỗ trợ phát triển đối tượng, cơ sở giáo dục. Bảo hiểm xã hội Việt Nam phân bổ cho Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh và các đơn vị có liên quan để tổ chức thực hiện.

c) Cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm cung cấp mẫu biểu để tổ chức hỗ trợ phát triển đối tượng, cơ sở giáo dục tự in ấn phục vụ cho việc lập danh sách người tham gia.

6. Chi phí cho tổ chức hỗ trợ phát triển đối tượng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế bắt buộc đối với doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã và cơ quan tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam có sử dụng lao động (gồm: tư vấn trực tiếp đối với từng doanh nghiệp và người lao động, tuyên truyền, phát triển đối tượng, thu tiền và nộp tiền đã thu cho cơ quan bảo hiểm xã hội). Mức chi tối đa bằng 4% đối với đối tượng tham gia năm đầu, tối đa bằng 1,65% đối với đối tượng tiếp tục tham gia từ năm thứ hai trở đi trên số tiền thực thu của người sử dụng lao động, người lao động theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế, Luật Việc làm, Luật An toàn, vệ sinh lao động và các văn bản hướng dẫn.

Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định tiêu chí, điều kiện lựa chọn và ký hợp đồng với tổ chức hỗ trợ phát triển đối tượng, đảm bảo công khai, minh bạch, không hạn chế cạnh tranh, trong phạm vi định mức chi phí; mức chi thù lao cụ thể của tổ chức hỗ trợ phát triển đối tượng của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và chi phí thực hiện tại cơ quan bảo hiểm xã hội phù hợp với tình hình thực tế của từng tỉnh, thành phố và thời gian tham gia (đối tượng tham gia năm đầu, đối tượng tiếp tục tham gia).

7. Chi phí chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp từ quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp bằng 0,54% số tiền chi trả từ các quỹ thành phần: Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hưu trí và tử tuất (trừ các khoản chi: Phí khám giám định; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; hỗ trợ phòng ngừa, chia sẻ rủi ro về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp khi trở lại làm việc; đóng bảo hiểm y tế) và chi bảo hiểm thất nghiệp (trừ các khoản chi: Hỗ trợ tư vấn giới thiệu việc làm; hỗ trợ học nghề; hỗ trợ đào tạo duy trì việc làm; đóng bảo hiểm y tế) để chi tập huấn nghiệp vụ và thù lao của tổ chức hỗ trợ chi trả chế độ; cước tin nhắn thông báo đến người hưởng ủy quyền cho người khác nhận thay tiền chế độ bằng tiền mặt và qua tài khoản cá nhân; phí chuyển tiền vào tài khoản người hưởng; chi phí văn phòng phẩm, in mẫu biểu, chi phí chi trả tại nơi cư trú; khen thưởng tổ chức hỗ trợ chi trả chế độ; sơ kết, tổng kết công tác chi trả; xác minh thông tin người hưởng đủ điều kiện hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

a) Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam căn cứ mức chi phí chi trả (bao gồm nguồn ngân sách nhà nước tại khoản 5 Điều 15 của Nghị định này) quy định tiêu chí, điều kiện lựa chọn và ký hợp đồng ủy quyền với tổ chức hỗ trợ chi trả chế độ đảm bảo công khai, minh bạch, không hạn chế cạnh tranh, trong phạm vi định mức chi phí; mức chi cụ thể cho tổ chức hỗ trợ chi trả chế độ của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Tổ chức hỗ trợ chi trả chế độ chịu trách nhiệm đối với rủi ro phát sinh trong quá trình chi trả.

b) Trích tối đa không quá 70% mức chi phí chi trả bình quân của hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam để chi cho tổ chức hỗ trợ chi trả chế độ. Chi phí chi trả còn lại sau khi chi thù lao cho tổ chức hỗ trợ chi trả chế độ được để lại cho cơ quan bảo hiểm xã hội sử dụng để phục vụ việc chi trả, xác minh thông tin người hưởng (gồm: bảo quản, lưu trữ hồ sơ người thụ hưởng; kiểm tra, giám sát việc chi trả, xác minh thông tin người hưởng; làm đêm, thêm giờ; hỗ trợ công chức, viên chức và người lao động có liên quan trong những ngày chi trả, xác minh thông tin người hưởng). Bảo hiểm xã hội Việt Nam phân bổ cho Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh và đơn vị có liên quan để tổ chức thực hiện.

c) Tổ chức hỗ trợ chi trả chế độ tự quyết định và chịu trách nhiệm về việc sử dụng chi phí cho việc chi trả do cơ quan Bảo hiểm xã hội thanh toán nhưng phải đảm bảo việc chi trả an toàn, đúng đối tượng, đúng chính sách và theo hợp đồng đã ký giữa cơ quan Bảo hiểm xã hội và tổ chức hỗ trợ chi trả chế độ. Cơ quan Bảo hiểm xã hội phải quy định cụ thể các công việc tổ chức hỗ trợ chi trả chế độ phải thực hiện trong hợp đồng.

d) Cơ quan bảo hiểm xã hội căn cứ số tiền chi trả chế độ cho người thụ hưởng, thực hiện chuyển chi phí chi trả vào tài khoản của tổ chức hỗ trợ chi trả chế độ (không thanh toán bằng tiền mặt); số tiền chuyển tương ứng mức chi phí chi trả theo tỷ lệ % trên số tiền chi trả do Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định.

8. Chi hỗ trợ động viên, khuyến khích tập thể, cá nhân ngoài hệ thống bảo hiểm xã hội phối hợp chỉ đạo việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; triển khai công tác phát triển người tham gia, tổ chức thu, chi chế độ; kiểm tra, giám sát và đôn đốc thu hồi đối với các trường hợp chậm đóng, trốn đóng, chiếm dụng tiền đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế: Mức hỗ trợ đối với cá nhân không quá 03 lần mức lương cơ sở/lần và đối với tập thể không quá 15 lần mức lương cơ sở/lần; số lần hỗ trợ trong một năm không quá 04 lần.

9. Chi phí in ấn, sao chụp tài liệu, biểu mẫu, báo cáo, thông báo.

10. Chi phí chuyển tiền trả cho Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại.

11. Chi công tác kiểm tra, giám sát:

a) Chi trang phục, biển hiệu đối với người thực hiện nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành về lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật. Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định việc cấp phát, quản lý và sử dụng trang phục, biển hiệu đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, phù hợp với nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành.

b) Chi chế độ công tác phí, làm việc ban đêm, làm thêm giờ, chi phí xăng xe hoặc thuê phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

Điều 20. Chi hoạt động bộ máy của cơ quan bảo hiểm xã hội các cấp và Hội đồng quản lý

1. Chi hoạt động bộ máy của cơ quan bảo hiểm xã hội các cấp

a) Chi tiền lương ngạch, bậc, chức vụ, các khoản đóng góp theo tiền lương và các khoản phụ cấp theo quy định của Nhà nước, chi tiền công theo hợp đồng vụ việc (nếu có) hoặc tiền lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ, các khoản đóng góp theo tiền lương và các khoản phụ cấp theo quy định của Nhà nước.

b) Chi quản lý hành chính: Nội dung chi và định mức chi áp dụng theo định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên của ngân sách nhà nước cho các cơ quan bộ, cơ quan của trung ương và địa phương.

c) Chi bảo đảm hoạt động của tổ chức Đảng, đoàn thể và chế độ đối với dân quân tự vệ theo chế độ quy định.

d) Chi nghiên cứu khoa học cấp cơ sở: Thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ chi tiêu đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

đ) Chi đóng niên liễm cho các tổ chức quốc tế (nếu có).

e) Chi thực hiện tinh giản biên chế, thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo chế độ do Nhà nước quy định.

g) Chi hỗ trợ công tác điều động, luân chuyển, biệt phái công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống Bảo hiểm xã hội theo chế độ quy định.

h) Chi phí thuê mướn; chi phí thực hiện hợp đồng thuê khoán công việc hoặc hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

i) Chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

k) Chi đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, người lao động theo chương trình của Nhà nước (không bao gồm các khoản chi quy định tại Điều 16 của Nghị định này): Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng công chức nhà nước.

l) Chi chế độ tiền thưởng: Thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ tiền thưởng đối với công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

m) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi hoạt động của Hội đồng quản lý thực hiện theo quy định của Chính phủ về trình tự, thủ tục thành lập, chế độ làm việc, trách nhiệm, kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội và bộ máy giúp việc của Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội.

Điều 21. Quản lý và sử dụng tài sản của cơ quan bảo hiểm xã hội

1. Việc quản lý và sử dụng tài sản hình thành từ nguồn chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Kinh phí thu được từ việc bán, chuyển nhượng, thanh lý, khai thác tài sản hình thành từ nguồn chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế của cơ quan bảo hiểm xã hội sau khi trừ các chi phí hợp lý liên quan đến việc bán, chuyển nhượng, thanh lý, khai thác tài sản; khoản tiền thu được từ bồi thường tài sản hình thành từ nguồn chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế của cơ quan bảo hiểm xã hội và số tiền hỗ trợ di dời trong trường hợp cơ quan bảo hiểm xã hội bị thu hồi nhà, đất được chuyển về tài khoản thanh toán tổng hợp của Bảo hiểm xã hội Việt Nam để hoàn trả các quỹ bảo hiểm xã hội (quỹ hưu trí, tử tuất), quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế (quỹ dự phòng) theo tỷ lệ dự toán chi tổ chức và hoạt động của từng quỹ bảo hiểm trên tổng dự toán chi tổ chức và hoạt động của năm thực hiện quyết toán hoàn trả.

Điều 22. Chuyển nguồn chi tổ chức và hoạt động

1. Các khoản dự toán chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế được cấp có thẩm quyền giao, đến cuối năm chưa thực hiện hoặc chưa được sử dụng hết, trừ trường hợp đã hết nhiệm vụ chi, được chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục sử dụng gồm:

a) Chi mua sắm trang thiết bị; nâng cấp, cải tạo, mở rộng, sửa chữa trụ sở; chi tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế đã đầy đủ hồ sơ, đã ký hợp đồng hoặc đã hoàn thành đấu thầu theo quy định pháp luật về đấu thầu trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán.

b) Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

c) Chi ứng dụng công nghệ thông tin bố trí cho các nhiệm vụ, dự án trong năm được chuyển nguồn sang năm sau nhưng tối đa không quá thời gian thực hiện nhiệm vụ, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển nguồn sang năm sau theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

đ) Các nội dung chi tổ chức và hoạt động (trừ nội dung chi quy định tại điểm a, b, c và điểm d khoản này) có đủ hồ sơ chứng từ xác nhận khối lượng công việc thực hiện trong năm tài chính.

e) Các khoản kinh phí phải hoàn trả ngân sách, các quỹ bảo hiểm theo kết luận, kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm toán.

2. Trường hợp nhiệm vụ thuộc nội dung được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng không tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, đơn vị được giao dự toán thực hiện chuyển về tài khoản thanh toán tổng hợp của Bảo hiểm xã hội Việt Nam để hoàn trả các quỹ bảo hiểm xã hội (quỹ hưu trí, tử tuất), quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế (quỹ dự phòng) theo tỷ lệ dự toán chi tổ chức và hoạt động của từng quỹ bảo hiểm trên tổng dự toán chi tổ chức và hoạt động được giao của năm thực hiện quyết toán hoàn trả.

Điều 23. Xác định kinh phí tiết kiệm

1. Cơ quan bảo hiểm xã hội thực hiện các biện pháp tiết kiệm kinh phí trên cơ sở hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trong phạm vi nguồn kinh phí chi tổ chức và hoạt động quy định tại khoản 2, 5 Điều 16, Điều 17 (trừ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi tại điểm d khoản 2), Điều 19 và điểm a, b, c, l khoản 1 Điều 20 Nghị định này, phần chênh lệch còn lại sau khi trừ kinh phí đã thực hiện trong năm và bố trí đủ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chưa hoàn thành phải chuyển năm sau để tiếp tục sử dụng hoặc không tiếp tục thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 22 Nghị định này được xác định là số kinh phí tiết kiệm.

2. Trên cơ sở định mức, chế độ Nhà nước quy định và trong phạm vi kinh phí được giao, Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ bao gồm các quy định về chế độ tiêu chuẩn, định mức chi, khoán chi phí cho từng cá nhân, đơn vị trực thuộc, việc phân phối và sử dụng các quỹ để thực hiện thống nhất.

3. Đối với Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân: Trường hợp có con dấu, tài khoản và tổ chức bộ máy kế toán riêng theo quy định của pháp luật về kế toán thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không có con dấu, tài khoản và không tổ chức bộ máy kế toán riêng thì toàn bộ số kinh phí tiết kiệm được chuyển sang năm sau để sử dụng, không trích lập các quỹ quy định tại Điều 24 Nghị định này.

4. Đối với tổ chức bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức thuộc ngành Nội vụ quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 14: Kinh phí tiết kiệm được xác định trong phạm vi chi tổ chức và hoạt động quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 20 Nghị định này. Cách xác định kinh phí tiết kiệm và sử dụng kinh phí tiết kiệm được thực hiện theo quy định pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Kinh phí bố trí cho các nhiệm vụ trong năm đến cuối năm chưa sử dụng thuộc trường hợp được chuyển nguồn sang năm sau tiếp tục sử dụng theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này, không được coi là kinh phí tiết kiệm để trích lập các quỹ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 24. Sử dụng kinh phí tiết kiệm

Số kinh phí tiết kiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 23 của Nghị định này được sử dụng như sau:

1. Trích 5% để lập quỹ phát triển hoạt động để đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc, phương tiện đi lại; thuê trụ sở phục vụ hoạt động của đơn vị theo quy định (đối với trường hợp nguồn chi tổ chức và hoạt động không đảm bảo chi thuê trụ sở); chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ và các khoản chi khác được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ. Các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam được phép mở tài khoản, Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh thực hiện chuyển kinh phí trích lập về Bảo hiểm xã hội Việt Nam để quản lý, sử dụng theo quyết định của Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam.
2. Trích lập quỹ bổ sung thu nhập tối đa không quá 01 lần quỹ tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp, trừ phụ cấp làm việc ban đêm, làm thêm giờ để chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong năm và dự phòng chi bổ sung thu nhập cho người lao động năm sau trong trường hợp nguồn thu nhập bị giảm. Việc chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong đơn vị được thực hiện theo nguyên tắc gắn với số lượng, chất lượng và hiệu quả công tác.
3. Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi tối đa không quá 03 tháng tiền lương và thu nhập thực tế trong năm để:
 - a) Thường cuối năm, thường định kỳ, thưởng đột xuất cho tập thể, cá nhân trong và ngoài đơn vị theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp vào hoạt động của đơn vị. Mức thưởng do Thủ trưởng đơn vị quyết định và được ghi trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.
 - b) Xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi; chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của người lao động trong đơn vị; trợ cấp khó khăn đột xuất cho công chức, viên chức và người lao động, kể cả trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức, hoàn cảnh khó khăn; chi hỗ trợ cho người thực hiện chính sách tinh giản biên chế; chi hỗ trợ hoạt động xã hội, từ thiện; giải quyết chế độ, chính sách khi chấm dứt hợp đồng lao động và các khoản chi khác được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.
4. Phần còn lại (nếu có) sau khi trích lập các quỹ theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này được bổ sung vào quỹ phát triển hoạt động.
5. Căn cứ vào số kinh phí tiết kiệm trong năm và việc sử dụng các quỹ, thủ trưởng đơn vị quyết định mức trích cụ thể các quỹ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này theo quy chế chi tiêu nội bộ và phải công khai trong đơn vị.
6. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện điều này.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Trách nhiệm của Bảo hiểm xã hội Việt Nam

1. Quản lý, sử dụng các quỹ bảo hiểm theo quy định của Nghị định này và pháp luật bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý về việc thực hiện quản lý, sử dụng các quỹ bảo hiểm.
2. Thực hiện chi tổ chức và hoạt động theo quy định tại Nghị định này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định chi.
3. Trong thời hạn 6 tháng kể từ khi Nghị định này có hiệu lực thi hành, Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành các quy chế, quy trình nội bộ để triển khai thực hiện thu chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; giải quyết, chi trả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; chi tổ chức và hoạt động và nội dung khác theo quy định tại Nghị định này, quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.
4. Thực hiện công tác kế toán, dự toán, quyết toán và quản lý tài chính theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.
5. Thực hiện chế độ báo cáo về tình hình thu, chi các quỹ bảo hiểm và tình hình chi tổ chức và hoạt động theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.
6. Thực hiện quản lý, lưu trữ, bảo quản hồ sơ thu, chi các quỹ bảo hiểm và việc sử dụng chi tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật.
7. Cung cấp đầy đủ và kịp thời các số liệu, tài liệu có liên quan đến hoạt động thu, chi các quỹ bảo hiểm, chi tổ chức và hoạt động cho Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Y tế và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định hoặc khi có yêu cầu.

Điều 26. Trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức có liên quan

1. Người tham gia đóng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và người sử dụng lao động có trách nhiệm kê khai, xuất trình, cung cấp đầy đủ, chính xác, trung thực, kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và chịu trách nhiệm trước pháp luật theo quy định.
2. Người thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế có trách nhiệm kê khai, xuất trình, cung cấp đầy đủ, chính xác, trung thực, kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến việc hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và chịu trách nhiệm trước pháp luật theo quy định.
3. Tổ chức hỗ trợ phát triển đối tượng, tổ chức hỗ trợ chi trả có trách nhiệm phát triển đối tượng, quản lý người hưởng, thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo hợp đồng ký kết với cơ quan bảo hiểm xã hội.

4. Trung tâm dịch vụ việc làm có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời hồ sơ, dữ liệu liên quan đến việc hưởng các chế độ bảo hiểm thất nghiệp để làm căn cứ chi trả và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp, trung thực của hồ sơ, dữ liệu theo quy định.

5. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời hồ sơ, dữ liệu liên quan đến việc thanh toán, quyết toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định pháp luật về bảo hiểm y tế.

Điều 27. Trách nhiệm của Hội đồng quản lý

1. Thông qua báo cáo hằng năm về tình hình quản lý và sử dụng các quỹ bảo hiểm trước khi cơ quan bảo hiểm xã hội trình cấp có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Bảo hiểm xã hội.

2. Thông qua dự toán hằng năm về thu, chi các quỹ bảo hiểm; mức chi tổ chức và hoạt động; thông qua việc điều chỉnh dự toán đối với trường hợp trong năm Nhà nước ban hành chính sách làm thay đổi dự toán theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định này; báo cáo quyết toán về chi tổ chức và hoạt động trước khi cơ quan bảo hiểm xã hội trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 20 Luật Bảo hiểm xã hội.

3. Thông qua việc bổ sung kinh phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định này.

Điều 28. Trách nhiệm của các bộ, ngành có liên quan

1. Trách nhiệm của Bộ Tài chính:

a) Xây dựng, trình Chính phủ ban hành hoặc sửa đổi cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; quy định về chi tổ chức và hoạt động.

b) Căn cứ nội dung chi, mức chi quy định tại các Điều 16, 17, 18, 19, 20 của Nghị định này hướng dẫn chi tiết nội dung chi, mức chi phù hợp với tổ chức hoạt động của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, tổ chức bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức thuộc ngành Nội vụ, hướng dẫn việc lập báo cáo quyết toán, chế độ báo cáo định kỳ và hướng dẫn những nội dung cần thiết của Nghị định này để đáp ứng yêu cầu của quản lý nhà nước.

c) Hướng dẫn chế độ kế toán bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

d) Thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với khoản kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo và kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ đóng theo quy định của pháp luật và chi tổ chức và hoạt động (phần giao dự toán cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện).

đ) Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo về quản lý tài chính bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an:

a) Căn cứ quy định tại Nghị định này, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện cơ chế tài chính phù hợp với phân cấp quản lý và tính chất hoạt động.

b) Quyết định và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn các ngân hàng thương mại để mở tài khoản, phân cấp mở tài khoản, số lượng tài khoản, nơi mở tài khoản và việc quản lý tập trung các khoản thu, chi đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Lập dự toán thu, chi chế độ, dự toán chi tổ chức và hoạt động thuộc phạm vi quản lý; phân bổ và giao dự toán thu, chi cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc sau khi nhận được Quyết định giao dự toán của Thủ tướng Chính phủ.

d) Thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân và các đơn vị trực thuộc trước khi gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổng hợp quyết toán theo quy định.

đ) Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo về quản lý tài chính đối với Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân và các đơn vị trực thuộc theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ:

a) Phối hợp với Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định giao dự toán thu, chi năm sau cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân và Bộ Nội vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này.

b) Quyết định và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn các ngân hàng thương mại để mở tài khoản, phân cấp mở tài khoản, số lượng tài khoản, nơi mở tài khoản và việc quản lý tập trung các khoản thu, chi đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Lập dự toán chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý; phân bổ và giao dự toán chi cho tổ chức bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức thuộc ngành Nội vụ sau khi nhận được Quyết định giao dự toán của Thủ tướng Chính phủ.

d) Xét duyệt, thẩm định quyết toán và thông báo quyết toán năm đối với nguồn kinh phí quản lý bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổng hợp quyết toán theo quy định.

đ) Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo về quản lý tài chính đối với các tổ chức bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức thuộc ngành Nội vụ theo quy định của pháp luật.

4. Trách nhiệm của Bộ Y tế:

- a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền các giải pháp nhằm đảm bảo cân đối quỹ bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế.
- b) Phối hợp với Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định giao dự toán thu, chi năm sau cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân và Bộ Nội vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Bộ Nội vụ, Bộ Y tế và các bộ, ngành có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện và phối hợp với Bộ Tài chính trong thực hiện quản lý nhà nước về tài chính bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

Điều 29. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
2. Việc quyết toán của năm tài chính 2024 được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (sau đây gọi là Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg) và Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg).
3. Đối với các khoản phải trả cho các đối tượng hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp phát sinh trước ngày 31 tháng 12 năm 2024, cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm theo dõi chi tiết và hạch toán theo quy định.
4. Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg và Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Các quy định tại Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg và Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg không được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
5. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.
6. Các Bộ trưởng: Tài chính, Nội vụ, Y tế, Quốc phòng, Công an, Chủ tịch Hội đồng quản lý, Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Hội đồng quản lý BHXH;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hồ Đức Phớc

PHỤ LỤC

CÁC BIỂU MẪU LẬP DỰ TOÁN THU, CHI BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ; CHI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ
(Kèm theo Nghị định số 233/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ)

| | |
|-----------|--|
| Mẫu số 01 | Tổng hợp các chỉ tiêu dự toán thu, chi của Bảo hiểm xã hội Việt Nam |
| Mẫu số 02 | Chi tiết dự toán thu, chi bảo hiểm xã hội |
| Mẫu số 03 | Chi tiết dự toán thu, chi bảo hiểm thất nghiệp |
| Mẫu số 04 | Chi tiết dự toán thu, chi bảo hiểm y tế |
| Mẫu số 05 | Chi tiết dự toán chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế |
| Mẫu số 06 | Dự kiến tiền sinh lời hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế |

Mẫu số 01

TÊN ĐƠN VỊ

TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU
DỰ TOÁN THU, CHI CỦA BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Đơn vị: Triệu đồng

| Số TT | Chỉ tiêu | Thực hiện năm (n-1) | Năm (n) | | | | Năm (n) | Năm (n) | Dự kiến năm (n+1) |
|-------|---------------------------------|---------------------|-------------------|---------------|--------------------------|---------|--------------------------|---------|--------------------------|
| | | | Dự toán được giao | Ước thực hiện | Ước thực hiện so dự toán | | Ước thực hiện so dự toán | Tổng số | So ước thực hiện năm (n) |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % | | | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 | 6 | 7=6-3 | 8=6:3 |
| A | SỐ DƯ QUỸ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG | | | | | | | | |
| 1 | Quỹ bảo hiểm xã hội | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|-----------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| 2 | Quỹ bảo hiểm thất nghiệp | | | | | | | | |
| 3 | Quỹ bảo hiểm y tế | | | | | | | | |
| B | THU, CHI TRONG NĂM | | | | | | | | |
| I | TỔNG SỐ THU (1+2) | | | | | | | | |
| 1 | Thu tiền đóng theo chế độ quy định | | | | | | | | |
| | - Thu bảo hiểm xã hội | | | | | | | | |
| | - Thu bảo hiểm thất nghiệp | | | | | | | | |
| | - Thu bảo hiểm y tế | | | | | | | | |
| 2 | Tiền sinh lời từ hoạt động đầu tư quỹ | | | | | | | | |
| II | TỔNG SỐ CHI (1+2+3+4) | | | | | | | | |
| 1 | Chi trả chế độ bảo hiểm xã hội | | | | | | | | |
| | - Nguồn quỹ bảo hiểm xã hội bảo đảm | | | | | | | | |
| | - Nguồn ngân sách nhà nước bảo đảm | | | | | | | | |
| 2 | Chi trả chế độ bảo hiểm thất nghiệp | | | | | | | | |
| 3 | Chi các chế độ bảo hiểm y tế | | | | | | | | |
| | - Chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế | | | | | | | | |
| | - Chi trích quỹ dự phòng | | | | | | | | |

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

| | | | | | | | | | | | | | | | | |
|----|---|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| 3 | Trợ cấp cán bộ xã, phường | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Trợ cấp tuất hàng tháng | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần | | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Trợ cấp 1 lần khi nghỉ hưu | | | | | | | | | | | | | | | |
| 7 | Trợ cấp mai táng | | | | | | | | | | | | | | | |
| 8 | Trợ cấp tuất một lần | | | | | | | | | | | | | | | |
| 9 | Giám định y khoa | | | | | | | | | | | | | | | |
| 10 | Phụ cấp khu vực | | | | | | | | | | | | | | | |
| 11 | Chế độ đối với người lao động không đủ điều kiện hưởng lương hưu và chưa đủ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội (Điều 23 Luật Bảo hiểm xã hội 2024) | | | | | | | | | | | | | | | |

* **Ghi chú:** Chi từ quỹ bảo hiểm xã hội bao gồm cả các chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Mẫu số 03

TÊN ĐƠN VỊ

CHI TIẾT DỰ TOÁN THU, CHI BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

| | | | | | | | | | | | |
|-------|----------|---------------------|---------|---------|-------------------|------------------------------------|----------------------|---------|---------|-------------------|------------------------------------|
| Số TT | Chỉ tiêu | Đối tượng (người) | | | | | Số tiền (triệu đồng) | | | | |
| | | Thực hiện năm (n-1) | Năm (n) | Năm (n) | Dự kiến năm (n+1) | Năm (n+1) so ước thực hiện năm (n) | Thực hiện năm (n-1) | Năm (n) | Năm (n) | Dự kiến năm (n+1) | Năm (n+1) so ước thực hiện năm (n) |

[illegible]

[illegible]

| | | | | | | | | | | | | | |
|-----|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | hiểm thất nghiep | | | | | | | | | | | | |
| III | Ngân sách nhà nước hỗ trợ | | | | | | | | | | | | |
| | TỔNG SỐ CHI | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Đóng bảo hiểm y tế | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Trợ cấp thất nghiep | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Hỗ trợ học nghề | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Hỗ trợ đào tạo để duy trì việc làm | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Chi chế độ khác theo quy định | | | | | | | | | | | | |

Mẫu số 04

TÊN ĐƠN VỊ

CHI TIẾT DỰ TOÁN THU, CHI BẢO HIỂM Y TẾ

| | | | | | | | | | | | | |
|----------|----------|----------------------------------|---------|------------|----------------------------|---|-------------------------------------|-------------------------------------|----------------------|-------------------------|---|--|
| Số TT | Chỉ tiêu | Đối tượng (người) | | | | Đối tượ ng (ng ườ i) | Đối tượ ng (ng ườ i) | Đối tượ ng (ng ườ i) | Số tiền (triệu đồng) | | | |
| | | Thực hiện năm (n-1) | Năm (n) | Năm (n) | Dự kiến năm (n+1) | Năm (n+1) so ước thực hiện năm (n) | Thực hiện năm (n-1) | Năm (n) | Năm (n) | Dự kiến năm (n+1) | Nă m (n+ 1) so ước thực hiệ n nă m (n) | |

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

| | | | | | | | | | | | | | |
|-----------|---|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| 3 | Người lao động trong thời gian nghỉ không hưởng lương hoặc tạm hoãn hợp đồng lao động | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Các đối tượng khác | | | | | | | | | | | | |
| II | Tiền xử lý chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm y tế | | | | | | | | | | | | |
| | TỔNG SỐ CHI | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Chi chăm sóc sức khỏe ban đầu | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Chi kết dư quỹ để lại cho địa phương | | | | | | | | | | | | |

Mẫu số 05

TÊN ĐƠN VỊ

**CHI TIẾT DỰ TOÁN CHI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM XÃ HỘI,
BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ**

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Nội dung chi | Dự toán năm (n-1) | Dự toán năm (n) | Dự kiến dự toán năm (n+1) | Trong đó: | | | Tổng cộng | Trong đó: | Trong đó: | Tổng cộng | Dự toán năm (n+1) |
|-----|--------------|-------------------|-----------------|---------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-------------------|
| | | | | | Bảo hiểm xã hội Việt Nam | Bảo hiểm xã hội Quân đội | Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân | Bộ Nội vụ | Bộ Nội vụ | Bộ Nội vụ | Tổng cộng | Dự toán năm (n+1) |

[illegible]

[illegible]

| | | | | | | | | | | | | |
|----|---|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | sản tài sản, hàng hóa, dịch vụ | | | | | | | | | | | |
| 3 | Chi ứng dụng công nghệ thông tin | | | | | | | | | | | |
| IV | Chi hoạt động bộ máy của cơ quan bảo hiểm xã hội các cấp và Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội. | | | | | | | | | | | |
| | Trong đó: Chi nghiên cứu khoa học, chi đóng niên liễm, chi thực hiện tinh giản biên chế, thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo chế độ do nhà nước quy định, chi hỗ trợ công tác điều động, luân chuyển biệt phái, chi thuê mướn, chi đào tạo, bồi dưỡng, chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư, chi khác theo quy định của pháp luật | | | | | | | | | | | |

Mẫu số 06

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

**DỰ TOÁN TIỀN SINH LỜI CỦA HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CÁC QUỸ BẢO HIỂM
XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ**

Đơn vị: triệu đồng

| Số TT | Chỉ tiêu | Thực hiện năm (n-1) | Năm (n) | | | | Năm (n) | Năm (n) | Dự kiến năm (n+1) |
|-------|--|---------------------|-------------------|---------------|--------------------------|---------|---------|--------------------------|-------------------|
| | | | Dự toán được giao | Ước thực hiện | Ước thực hiện so dự toán | | Tổng số | So ước thực hiện năm (n) | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 | 6 | 7=6-3 | 8=6:3 |
| 1 | Tiền sinh lời của hoạt động đầu tư quỹ | | | | | | | | |

* Tài liệu kèm theo:

Thuyết minh chi tiết dự toán tiền sinh lời của hoạt động đầu tư từ từng quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.